

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI KỸ THUẬT

Bùi Thanh Phương
Khoa Mác-Lênin
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bài báo đề cập đến vấn đề đổi mới hoạt động dạy - học các môn Lý luận chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng và ở các trường đại học kỹ thuật công nghiệp nói chung trong bối cảnh toàn cầu hoá. Theo tác giả các môn Lý luận chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh, có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH-HĐH) đất nước. Tuy nhiên, để phát huy ngày càng tốt hơn vai trò đó cần sớm đổi mới nội dung và phương pháp dạy và học. Đây là một đòi hỏi khách quan được đặt ra cho cả người dạy lẫn người học, cho cả xã hội lẫn những người trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy các môn khoa học Lý luận chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng khối kỹ thuật đòi hỏi phải giải quyết một cách đồng bộ các giải pháp. Đó là, chất lượng giáo trình, bài giảng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập, phương pháp giảng dạy và học tập.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cũng như một số trường khác, hiện nay, thường đào tạo đa ngành nghề bao gồm cả kỹ thuật và kinh tế theo hướng thực hành. Phần lớn sinh viên của các trường là các em học khối A, B, và D, nên khi tiếp xúc với những bộ môn khoa học xã hội các em có tâm lý ngại học, chán hoặc thờ ơ, đây cũng là thực trạng của sinh viên nhiều trường đại học cao đẳng khối kỹ thuật. Cũng có ý kiến cho rằng đây là môn học phụ "có cũng được, không có cũng chẳng sao" đã làm giảm đi nhiệt huyết của người dạy, còn người học thấy vấn đề trở thành đơn giản. Cũng không tránh khỏi hiện nay có những quan điểm cho rằng không cần học những môn học này vì cho là nó giáo điều và không phù hợp. Song cần phải khẳng định rằng, Đảng và Nhà nước chúng ta không từ bỏ lý luận Mác - Lênin, nhưng cần dứt khoát từ bỏ thái độ giáo điều đối với lý luận đó. Trong những năm vừa qua tình trạng giảng dạy các môn các môn khoa học Lý luận chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh có những hạn chế như:

Về phương pháp: Chủ yếu theo phương pháp truyền thống như thuyết trình, đọc thoại, nêu vấn đề, thầy giảng trò ghi chép, tình trạng dạy chay, học chay là phổ biến, thầy dạy đơn điệu, trò học nhồi nhét. Lý thuyết thầy truyền đạt thì khô khan giáo điều ít gắn với thực tiễn, chưa soi rọi vào những vấn đề phức tạp của cuộc sống. Cách học và dạy như vậy chưa đánh thức được sự đam mê, khả năng tư duy của người học. Về kiểm tra đánh giá "chính cách thi

như hiện nay vừa góp phần làm cho người học chỉ cần học thuộc và tập trung vào một số phần chứ không cần suy nghĩ, tìm tòi, khám phá; vừa làm cho người giảng cũng phải lo bảo đảm độ an toàn về kết quả giảng dạy của mình bằng cách cũng chỉ tập trung vào một số nội dung được coi là sẽ có đề thi chứ chẳng cần đào sâu, mở rộng làm gì cho mệt. Do vậy, sự trì trệ ở đây là khó tránh khỏi.”[1].

Về chương trình và giáo trình: Kinh tế thế giới đang thay đổi chuyển bước vào nền kinh tế tri thức. Khoa học và công nghệ luôn có những cái mới xuất hiện hàng ngày, khoa học Mác-Lênin cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. Tuy nhiên, chương trình học của chúng ta vẫn khô khan, cứng nhắc và y hệt nhau cho mọi đối tượng thuộc các chuyên ngành khác nhau nên thiếu tính hấp dẫn.

Theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo, từ năm học 2008-2009 các môn lý luận chính trị trước đây là 5 môn thì nay chỉ còn 3 môn (Các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh) như vậy đặt ra một vấn đề là người giáo viên trước đây chỉ dạy một môn đến môn thứ hai có gần chuyên ngành thì nay phải có kiến thức vừa chuyên sâu vừa tổng hợp để giảng dạy các môn theo chương trình mới nhưng phải đảm bảo được nội dung và tính hệ thống của môn học.

Từ những khó khăn trên, để nâng cao chất lượng giảng dạy và học các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề phương pháp giảng dạy trong những năm gần đây luôn được nhà trường quan tâm. Việc lựa chọn phương pháp giảng dạy như thế nào còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, như mục tiêu đào tạo, yêu cầu của đối tượng đào tạo, đặc điểm của môn học, vai trò, vị trí của môn học trong quá trình đào tạo và những điều kiện vật chất cho phép và phụ thuộc vào cả trình độ của giảng viên.

Theo Luật Giáo dục năm 2005: “Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [2]. Mục tiêu của các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là không chỉ là truyền đạt các tri thức khoa học, mà còn là sự truyền bá, giáo dục đạo



đức, giáo dục hệ tư tưởng, trang bị **thế giới quan và phương pháp luận Mác-Lênin** cho sinh viên. Với mục tiêu đó thì **đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu** là hết sức quan trọng không chỉ riêng đối với các môn khoa học lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh mà cả trong các môn học chuyên ngành (đây cũng là điểm cần lưu ý trong phương pháp giáo dục đại học ở nước ta).

Trong quá trình giảng dạy ở bậc đại học, cao đẳng không phải là quá trình truyền đạt kiến thức một chiều, mà phải là một quá trình phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Trong một bài giảng, giảng viên phải tìm tòi suy nghĩ nêu ra các vấn đề để sinh viên nghiên cứu, đồng thời giảng viên cũng phải biết khơi gợi để sinh viên tự nêu các vấn đề cần phải nghiên cứu giải đáp. Trên cơ sở đó, giảng viên lại hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tiếp cận, giải quyết các vấn đề. Thông qua các ý kiến của sinh viên, giảng viên mới đi đến xem xét, đánh giá từng ý kiến và đi đến những kết luận cần thiết. Như vậy, ở đây giảng viên là người hướng dẫn, gợi mở các vấn đề, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu, giải quyết vấn đề và trên cơ sở đó, giảng viên mới đi đến những kết luận khoa học. Điều đó đúng với quan điểm “Giáo dục chuyển từ chỗ dựa vào cách tiếp cận ‘dạy’ là chính, với sự chủ trì của ‘người dạy’ đối với người học, sang cách tiếp cận ‘học’ nghĩa là người dạy chủ yếu đóng vai trò hướng dẫn, còn người học

chủ động nhất là khi đã ở độ tuổi trưởng thành trực tiếp hấp thụ các kiến thức mà xã hội cung cấp"[3].

Một vấn đề nữa được đặt ra là đặc điểm của các môn khoa học Lý luận chính trị và Tư tưởng Hồ Chí Minh có tính khái quát cao. Các khái niệm, phạm trù quy luật trong các môn học kết quả của sự khái quát các thành tựu khoa học và thực tiễn xã hội. Chính vì vậy, trong giảng dạy, người giảng viên phải làm rõ các khái niệm, các phạm trù. Cần phải chú trọng thích đáng đối với kiến thức cơ bản, tránh xu hướng chạy theo những vấn đề trước mắt mà lãng quên các vấn đề cơ bản. Các quy luật của môn học là kết quả của sự phát triển của khoa học và thực tiễn xã hội, kết quả của sự khái quát khoa học. Đồng thời, thông qua đó, cũng rèn luyện sinh viên khả năng tư duy trừu tượng, khả năng tiếp cận các chân lý khoa học.

Việc giảng dạy các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là nói lại những kiến thức đã có trong sách giáo khoa, mà phải làm cho sinh viên hiểu được kiến thức đó, biết vận dụng nó trong nhận thức và thực tiễn. Khi giảng dạy các khái niệm, phạm trù, quy luật giáo viên phải thông qua thành tựu của khoa học, cũng như thực tiễn xã hội để từ đó đi đến khái quát khoa học, cũng như chứng minh các khái quát đó về mặt lý luận. Việc hình thành các nguyên lý, quy luật... của khoa học Mác-Lênin là do sự khái quát các thành tựu khoa học về tự nhiên, xã hội và tư duy, trong đó các thành tựu của khoa học tự nhiên là cực kỳ quan trọng. Trong lịch sử, như là các trào lưu triết học, đặc biệt là chủ nghĩa duy vật, trong đó có chủ nghĩa duy vật biện chứng gắn bó một cách rất chặt chẽ với khoa học tự nhiên. Đó là một sự thật. Đây cũng chính là vận dụng con đường biện chứng của nhận thức trong giảng dạy các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như các môn khoa học khác. "Cần xây dựng phương pháp tư duy khoa học, khắc phục chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa chủ quan duy ý chí, phương pháp tư duy siêu hình và cách suy nghĩ giản đơn, tránh khuynh hướng thiên về những vấn đề lý thuyết suông, kinh viện, có tính chất hàn lâm viện, 'tầm chương trích cú' mà thực chất là dừng lại ở sách vở không gắn với thực tiễn, đồng thời, tránh khuynh hướng khái quát thực tiễn vụn vặt, thiếu tầm lý luận"[4]. Điều này không chỉ giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh,

mà còn giúp sinh viên thấy rõ quan hệ giữa các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh với khoa học cụ thể và thực tiễn xã hội; có như vậy mới đạt được mục tiêu của môn học là không chỉ là truyền đạt các tri thức khoa học, mà còn là môn học trực tiếp truyền bá, giáo dục hệ tư tưởng, giáo dục đạo đức đối với sinh viên; đồng thời giúp rèn luyện năng lực tư duy của sinh viên.

Các môn khoa học Lý luận chính trị và tư tưởng Hồ Chí Minh là thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Chính vì vậy trong giảng dạy không dừng lại lý luận, mà phải hướng sinh viên biết vận dụng lý luận vào việc phân tích những vấn đề thực tiễn đất nước đang đặt ra, đặc biệt là tiếp cận với các khoa học chuyên ngành trong nhà trường. Ở trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, phải gắn bó với các môn kỹ thuật, kinh tế. Chẳng hạn khi phân tích định nghĩa vật chất của Lênin phải làm rõ giữa phạm trù vật chất với khái niệm vật chất của các khoa học tự nhiên khác nhau như thế nào? giữa chúng có gì liên quan đến nhau? Vấn đề CNH-HĐH gắn với sự phát triển của nhà trường, của đất nước. Vấn đề hình thái kinh tế xã hội phải phân tích gắn với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và các vấn đề chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước. Việc hướng dẫn sinh viên trong quá trình vận dụng lý luận phân tích thực tiễn cũng như các khoa học chuyên ngành là hướng cho sinh viên biết đưa lý luận chung vào trong cuộc sống. Tuy nhiên cũng cần tránh khuynh hướng "Khi giảng dạy và học tập, người thầy lại quá nhấn mạnh vào phần vận dụng (vì đó mới là cái mới), trò cũng phải cố nhớ cái mới ấy, từ đó mà việc bị hổng kiến thức cơ bản là chuyện dễ hiểu. Hơn thế, các phần vận dụng, minh hoạ này cũng hết sức thiên lệch. Chúng ta ít thấy, nếu không nói là không thấy những minh hoạ, những vận dụng trong tự nhiên, trong khoa học, công nghệ mà chủ yếu là trong lĩnh vực xã hội, chính trị. Điều đó, một mặt, dễ gây tâm lý đồng nhất triết học với chính trị, mặt khác, nó tạo ra một sự minh hoạ phiến diện, không làm rõ được bản chất khoa học của các tri thức cơ bản"[5].

Ngoài những phương pháp chung đó, cần sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp khác như nêu các vấn đề nghiên cứu, thảo luận nhóm để đi đến kết luận từng vấn đề nêu ra.

Một vấn đề hết sức quan trọng để nâng cao năng



tạo du lịch ở bậc đại học. Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã chính thức mở chuyên ngành đào tạo du lịch. Đến tháng năm 2008, theo thống kê của Tổng cục Du lịch, trên cả nước đã có trên 30 trường đại học đang triển khai đào tạo chuyên ngành Du lịch hoặc liên quan đến du lịch. Trong đó, nhiều trường đã thành lập khoa Du lịch, hoặc khoa Du lịch và Khách sạn để đào tạo cử nhân. Cùng với việc đào tạo đại học, đào tạo bậc cao học từ thạc sĩ cũng đã được thực hiện từ năm 2003 ở một số trường.

Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều trường, chuyên ngành Du lịch là một chuyên ngành trực thuộc các khoa như Quản trị kinh doanh, Kinh tế. Ngoài ra, một số trường còn có các bộ môn thuộc khoa hoặc không có bộ môn hay khoa nhưng đào tạo trực tiếp các chuyên ngành. Một số trường vẫn mang tính chất thử nghiệm, thậm chí, trong nhiều năm, chỉ được coi là chuyên ngành nằm trong hoặc thuộc về một ngành đào tạo khác. Ví dụ, ở Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, trước năm 2000, chuyên ngành Văn hóa du lịch thuộc về ngành Bảo tàng, sinh viên ra trường được cấp bằng Cử nhân Bảo tàng (chuyên ngành Văn hóa du lịch).

Hiện nay các chuyên ngành Du lịch đang được đào tạo tại các cơ sở đào tạo, các trường bậc đại học trong cả nước gồm có:

- Chuyên ngành Hướng dẫn viên Du lịch: có 7 cơ sở/trường đào tạo
- Chuyên ngành Quản trị Du lịch: có 7 cơ sở/trường đào tạo
- Chuyên ngành Quản trị KD Du lịch: có 5 cơ sở/trường đào tạo
- Chuyên ngành Địa lý Du lịch: có 4 cơ sở/trường đào tạo
- Chuyên ngành Văn hóa Du lịch: có 4 cơ sở/trường đào tạo

- Chuyên ngành Quản trị Du lịch-Khách sạn: có 3 cơ sở/trường đào tạo

- Chuyên ngành Du lịch: có 2 cơ sở/trường đào tạo (trong đó có 1 cơ sở dùng tiếng Anh để giảng dạy)

- Các chuyên ngành: Quản trị KD Du lịch-Khách sạn; Quản trị KD Du lịch-Dịch vụ; Quản trị DN Khách sạn-Du lịch; Quản trị DN Du lịch; Quản trị Khách sạn-Nhà hàng; Quản lý Kinh tế Du lịch; Kinh tế Du lịch; Quản lý KD Du lịch; Kinh doanh Du lịch; Kinh doanh Lữ hành hướng dẫn; Du lịch-Lữ hành; Du lịch-Khách sạn-Lữ hành; Lữ hành; Marketing Khách sạn-Du lịch: có 1 cơ sở/trường đào tạo

Thống kê trên cho chúng ta thấy thiếu tính hệ thống. Nếu quan niệm du lịch là một ngành rộng lớn thì dưới nó phải là các chuyên ngành. Các trường đại học sẽ đào tạo chuyên gia cho từng lĩnh vực của du lịch. Song, tên gọi các chuyên ngành hầu như mang tính chất tự do, không có quan hệ với nhau, ràng buộc nhau trong cùng một hệ thống. Điều này phản ánh tính độc lập, khép kín trong các trường đại học ở Việt Nam.

Năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành chương trình khung của ngành Du lịch thuộc nhóm ngành Quản trị Kinh doanh. Tuy nhiên, rất cần phải có một chương trình khung chung của ngành Du lịch cho tất cả các trường để đảm bảo tính nhất quán trong hệ thống các chuyên ngành đào tạo về du lịch và sự liên thông cần thiết, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong nền giáo dục quốc dân.

Về chương trình đào tạo cử nhân du lịch: qua khảo sát khung chương trình của một số trường đại học ở Hà Nội cho thấy: Hầu hết các trường đại học đều chú ý đến đào tạo theo diện rộng để sinh viên sau khi ra trường dễ thích ứng với hoàn cảnh, đặc biệt là trong cơ chế thị trường đang phát triển hiện nay. Tuy nhiên, việc đào tạo theo diện rộng cũng có những nhược điểm. Đó là khả năng chuyên sâu và lành nghề rất khó đảm bảo đối với sinh viên mới ra trường. Để khắc phục điều này, một số trường đã chú ý đến kiến thức chuyên ngành, nhưng trong một khoá đào tạo, với thời gian có hạn là 4 năm, vừa đào tạo rộng lại vừa đào tạo chuyên sâu là một công việc khó khăn. Vì thế, các chuyên ngành đào tạo về du lịch không thể thật chuyên sâu theo mong muốn được. Mặt khác, mỗi trường phải có thế mạnh riêng cho mình trong đào tạo về du lịch. Cho nên, việc tập hợp những ưu điểm của mỗi chương trình đào tạo là rất cần thiết

trong tình hình hiện nay, nhất là đứng trước yêu cầu hội nhập quốc tế về du lịch. Chúng ta không nên kéo dài tình trạng đào tạo khép kín trong các nhà trường mà cần được mở rộng, để tăng cường giao lưu khoa học và giáo dục.

3. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN DU LỊCH BẬC ĐẠI HỌC

Để hoàn thiện chương trình đào tạo cử nhân du lịch bậc đại học, theo chúng tôi cần làm rõ và giải quyết một số vấn đề sau:

- Du lịch cần được quan niệm là một ngành đào tạo: Từ nhiều năm nay, du lịch chưa bao giờ được chính thức coi là một ngành đào tạo. Có lẽ vì đây là một lĩnh vực quá rộng. Nếu coi du lịch là một ngành đào tạo thì khó có thể đưa toàn bộ khối lượng các mảng kiến thức khác nhau vào trong một chương trình mà sau bốn năm, cần phải chuyển tải hết. Cũng chính vì quan niệm như vậy nên du lịch có thể được đào tạo trong ngành kinh tế hay trong ngành văn hóa. Gần đây, lại có xu hướng cho rằng, du lịch cần được đào tạo trong ngành Việt Nam học. Xếp du lịch vào đâu, người ta cũng đều tìm được những lý do khách quan chứ không phải lý do chủ quan. Quan niệm như vậy là không thoả đáng. Thiết nghĩ, Du lịch, hoàn toàn có lý do để trở thành một ngành đào tạo riêng biệt. Trước hết, cần phải làm rõ những tiêu chuẩn để xác định một ngành đào tạo, xuất phát từ thực tiễn, cơ sở khoa học nào dẫn đến sự hình thành một ngành đào tạo mà những người được đào tạo ra đáp ứng các yêu cầu hoạt động trong xã hội.

- Giải quyết vấn đề đào tạo mở rộng và đào tạo chuyên sâu: Để du lịch thành một ngành đào tạo thì ngành này khá rộng, sinh viên phải học nhiều môn, tình trạng “cuối ngựa xem hoa” sẽ diễn ra, sinh viên ra trường rất khó tiếp cận với công việc, họ không hiểu biết sâu về bất cứ chuyên môn nào trong ngành Du lịch. Đào tạo mở rộng là cần thiết tạo một “phông” văn hóa chung cho sinh viên, đó là một ưu thế. Song hướng đào tạo của chúng ta cần được mở rộng hơn về đối tượng học. Ví thể, việc đào tạo chuyên sâu vẫn là cần thiết để có được các chuyên gia làm được việc ngay từ đầu. Nhưng về nguyên tắc, đào tạo mở rộng và đào tạo chuyên sâu là hai hướng ngược chiều nhau, đối lập nhau. Đây là một mâu thuẫn mà chúng ta cần phải giải quyết trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

- Giải quyết vấn đề ngoại ngữ chuyên ngành: Ngoại ngữ chuyên ngành cần phải có một thời lượng thích

hợp để sinh viên học du lịch đạt được trình độ cao hơn so với sinh viên học một số ngành khác. Thời lượng thích hợp là bao nhiêu thì tùy từng trường. Đây chỉ là một định hướng chung theo quan niệm của chúng tôi.

- Giải quyết vấn đề kiến thức về quản trị - kinh doanh và văn hóa: Du lịch là một ngành thuộc nhóm ngành kinh tế hay nhóm ngành xã hội nhân văn. Theo chúng tôi, nó là một ngành trung gian giữa kinh tế và xã hội nhân văn nên cần kết hợp giữa đào tạo mở rộng và đào tạo chuyên sâu để có thể đem lại những kết quả tích cực.

Tóm lại, trong thời kỳ mở cửa, phát triển và hội nhập hiện nay, ngành Du lịch sẽ dần dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước thì vấn đề nguồn nhân lực đang được đặt ra một cách cấp bách. Muốn ngành Du lịch có sự phát triển bền vững thì nguồn nhân lực du lịch phải được đào tạo. Sự phát triển đó phụ thuộc nhiều vào đội ngũ cán bộ được đào tạo công phu, có bài bản, trong đó chương trình đào tạo là yếu tố đầu tiên góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ trong ngành Du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Đính, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch chủ động hội nhập kinh tế quốc tế – Tạp chí Du lịch Việt Nam, tháng 5/2003, tr 21-22.
- [2]. Trần Bá Hoàn, Tài liệu tập huấn thay sách và đổi mới chương trình, Hà Nội 2002.
- [3]. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội, 2000.
Bộ GD và ĐT, Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010
- [4]. Nguyễn Thị Mai, Phân tích nhu cầu phát triển nhân lực du lịch đến năm 2015, báo cáo chuyên đề, Vụ Kế hoạch và Tài chính, Tổng cục Du lịch.
- [5]. Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về đổi mới công tác giáo dục, đào tạo
- [6]. Tổng cục Du lịch (2001), Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010
- [7]. Tổng cục Du lịch, Kỳ yếu Hội nghị Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam và hội nhập khu vực.
- [8]. Chương trình đào tạo đại học du lịch bậc đại học các ngành của trường ĐH KHXH&NV (ĐH Quốc gia Hà Nội); trường ĐH Kinh tế quốc dân; Viện ĐH Mở Hà Nội; trường ĐH Thương mại; trường Đại học Văn hoá Hà Nội.